

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 32/2024/KDTM-PT

Ngày 27/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng thầu
khoản xây dựng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp

Ông Phạm Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại phúc thẩm thụ lý số: 20/2024/TLPT-KDTM ngày 22/5/2024 về “Tranh chấp hợp đồng thầu khoản xây dựng” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10117/2024/QĐPT ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH P1; địa chỉ: E L, khu phố M - H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lin Ching S, Tổng Giám đốc; Quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ tạm trú: E L, khu phố M - H, phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1990 là nhân viên Công ty TNHH P1; địa chỉ: Ấp E, P, Đ, Đồng Nai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Lê Ngọc A và bà Dương Thị Xuân C
- Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H, đều có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH C3; địa chỉ: Số A, đường L (cao tốc F), Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Liu Shih Y, Tổng Giám đốc; Quốc tịch: Trung Quốc; địa chỉ tạm trú: Số A, đường L (cao tốc F) Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Chính T; địa chỉ: Số D N, N, H, Hà Nội; và ông Lê Văn C1, địa chỉ: Tầng A, tòa nhà C V, T, T, Hà Nội; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hứa Trung K, Văn phòng L2, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH C4; địa chỉ: Khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông HSIEH LI CHUAN, Giám đốc; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Công ty cổ phần X; địa chỉ: Tòa C, K, B T, khu đô thị M, phường C, quận N, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T1, sinh năm 1982; địa chỉ: A, H, thành phố Hà Nội và ông Đỗ Tiến V, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ A, P, Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; có mặt ông T1, vắng mặt ông V.

3. Công ty cổ phần C5; địa chỉ: Số C, Ngõ G, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Năng S1, Giám đốc Công ty; có mặt.

4. Công ty cổ phần L3 - Nền móng xây dựng; địa chỉ: Tòa nhà L, đường K, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Văn M, Tổng Giám đốc Công ty; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Công ty TNHH D; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quốc N1, chức vụ: Giám đốc; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Công ty TNHH M1; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn N2, Giám đốc Công ty; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Công ty cổ phần B1 (nay là Công ty Cổ phần T3); địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ liên hệ: Số F, đường V, Xuân Ổ B, Võ C2, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Công ty T4; địa chỉ: Số B đường L, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Huang Shou F; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Wu Wen H (M. Ngô), sinh năm 1976; số hộ chiếu 390770211 cấp ngày 08/08/2014; địa chỉ: Số B, Hẻm E, phố Z, số B, ngõ T, quận T, thành phố Đ, Đài Loan; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Hồng V1; địa chỉ: C, Tầng C, tháp N Tòa nhà E, đường T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Hiện đang làm việc tại Công ty TNHH C3; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Hoài N3; địa chỉ: Khu I, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Võ Thái T2; hiện đang làm việc tại Công ty TNHH C3; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Văn H1; địa chỉ: C, C, Hải Dương; địa chỉ liên hệ: Số C, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần X, Công ty cổ phần C5: Bà Lê Ngọc A và bà Dương Thị Xuân C - Luật sư Công ty L1; địa chỉ: Tòa nhà S, khu V L, phường T, quận T, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, đơn bổ sung đơn khởi kiện, B tự khai và quan điểm trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Ngày 15/8/2020, Công ty TNHH C4 là chủ đầu tư dự án ký Hợp đồng thầu khoán xây dựng số OW-LK/002-2020 với Công ty TNHH C3 (sau đây viết tắt là Công ty C3) xây dựng công trình nhà máy O1 tại Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Ngày 17/8/2020, Công ty C3 ký đơn quyết thầu với Công ty TNHH P1 (viết tắt là Công ty C6) để thi công các hạng mục của công trình Dự án nhà máy O1 với tổng giá trị gói thầu là 53.500.000.000 đồng (chưa tính VAT) và có VAT là 58.850.000.000 đồng. Ngoài đơn quyết thầu, hai bên không ký Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng nào khác liên quan đến việc xây dựng nhà O1 và không cung cấp được bản vẽ thiết kế công trình. Quá trình xây dựng Công ty C6 ký hợp đồng thầu phụ với hai nhà thầu là Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X) và Công ty cổ phần C5 (viết tắt là Công ty C5). Ngày 05/11/2021, công trình đã được bàn giao cho chủ đầu tư nhưng hai bên chưa thanh lý được hợp đồng. Đến nay Công ty C3 đã thanh toán cho Công ty C6 số tiền 54.873.154.973 đồng.

Nguyên đơn là Công ty C6 trình bày: Sau khi ký đơn quyết thầu với Công ty C3 thì đến tháng 8 năm 2020, Công ty C6 và các nhà thầu phụ triển khai thi công xây dựng nhà máy O1. Trong quá trình thi công Công ty C6 nhiều lần gửi văn bản yêu cầu ký hợp đồng theo quy định của pháp luật nhưng phía Công ty C3 không soạn thảo, thương lượng để hai bên đi đến ký hợp đồng chính. Ngày 08/01/2021, Công ty C6 soạn thảo hợp đồng gửi Công ty C3 nhưng phía Công ty C3 không có phản hồi. Ngày 14/01/2021, Công ty C3 gửi dự thảo hợp đồng cho Công ty C6 nhưng có nhiều điều khoản không phù hợp với đơn quyết thầu nên Công ty C6 không chấp nhận. Từ đó đến nay các bên chưa ký hợp đồng chính. Tuy nhiên, Công ty C6 vẫn thực hiện theo yêu cầu của Công ty C3 và thi công đến phần nào thì hai

bên sẽ thống nhất thiết kế, thực hiện thi công đến đó. Đến nay, Công ty L&K chưa thanh toán phần còn lại của đơn quyết thầu và các khoản phát sinh nên Công ty C6 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty C3 phải ký thanh lý hợp đồng thầu khoán với hình thức và nội dung như đơn quyết thầu; công nhận phần phát sinh đã được các bên thỏa thuận, chấp nhận thiết kế, dự toán phát sinh và nghiệm thu trên thực tế.

- Thanh toán giá trị còn lại của đơn quyết thầu là: 3.976.845.027 đồng; giá trị phát sinh số tiền: 5.472.981.399 đồng. Tổng: 9.449.826.426 đồng.

- Thanh toán số tiền lãi quá hạn là: 2.610.514.534 đồng

Bị đơn là Công ty C3 trình bày: Tại mục 1 của Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 đã ghi rõ: “1. Phương thức nhận thầu: Nhận thầu trọn gói. Nội dung thực tế dựa vào bản vẽ và đơn báo giá làm chính; Những hạng mục hoặc công việc không thể thiếu hoặc theo thông lệ thi công công trình phải làm đều thuộc trách nhiệm của nhà nhận thầu.”. Như vậy, ngay từ đầu, Công ty C3 và Công ty C6 xác định đây là nhận thầu theo hình thức trọn gói. Tuy nhiên, đến nay giữa Công ty C3 và Công ty C6 vẫn chưa ký hợp đồng giao nhận thầu (hợp đồng xây dựng) cho công việc phát sinh nêu tại đơn quyết thầu. Do Chủ đầu tư yêu cầu phải nhanh chóng xây dựng và hoàn thành dự án để đưa vào hoạt động nên Công ty C3 cần phải làm việc với các nhà thầu phụ triển khai ngay công việc. Sau khi ký Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020, Công ty C3 và Công ty C6 không đi đến thống nhất được nội dung hợp đồng, lý do chủ yếu là: Mặc dù phía Công ty C6 đã thỏa thuận nhận thầu trọn gói nhưng khi soạn thảo hợp đồng lại yêu cầu vượt quá các thỏa thuận tại đơn quyết thầu, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Trong quá trình soạn thảo hợp đồng, Công ty C6 không đồng ý ký hợp đồng giao thầu trọn gói như đã thỏa thuận với lý do vật giá thay đổi, không muốn cố định giá hợp đồng như đã thỏa thuận. Do đó, Công ty C6 đã bổ sung các điều khoản về thay đổi giá trị hợp đồng không phù hợp với tính chất của hợp đồng trọn gói theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

Thứ hai: Công ty C3 yêu cầu các phần phát sinh ngoài hợp đồng phải được sự đồng ý, xác nhận của người có thẩm quyền là đại diện theo pháp luật của Công ty C3, phải ký phụ lục hợp đồng trước khi thực hiện các công việc phát sinh. Điều này hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng nhưng Công ty C6 không đồng ý.

Thứ ba: Công ty C6 đã tự ý chuyển giao gói thầu cho các bên thứ ba mà không được sự đồng ý bằng văn bản của người có thẩm quyền của Công ty C3 hay chủ đầu tư.

Mặt khác, các bên không thống nhất được một số nội dung khác:

Thực hiện đơn quyết thầu, Công ty C6 đã thông qua các nhà thầu phụ của họ là Công ty X và Công ty C5 để triển khai thi công công trình. Tuy nhiên, Công ty C6 đã không đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, buộc Công ty C3 phải gửi nhiều văn bản phản nản nhắc nhở. Từ tháng 11/2020 cho đến gần nhất là tháng

4/2022, Công ty C3 có nhiều biên bản ghi nhớ, văn bản gửi Công ty C6 về việc công trường không có nhân công thi công, chậm tiến độ, chất lượng không đảm bảo, cần phải sửa chữa (có kèm theo hình ảnh về hạng mục không đạt). Nghiêm trọng hơn, một số công việc do Công ty C6 không hợp tác nên Công ty C3 phải thuê bên thứ ba thực hiện.

Định kỳ hàng tháng Công ty C6 gửi hồ sơ thanh toán gồm: Bảng ước tính giá trị nghiệm thu công trình; Hóa đơn GTGT và Giấy đề nghị thanh toán. Cho đến nay, Công ty C3 đã tạm ứng và thanh toán cho Công ty C6 tổng cộng là 10 lần với số tiền 54.873.154.973 đồng; Công ty C6 đã xuất 9 hóa đơn GTGT với tổng số tiền tổng cộng là 57.762.499.022 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Tuy nhiên, giá trị nêu trên cũng chỉ là ước tính, điều này thể hiện rõ trong hồ sơ khởi kiện, Công ty C6 đã tự nhận khoản giảm trừ không thực hiện của đơn quyết thầu là 1.962.416.854 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) và như vậy, số tiền còn phải thanh toán theo tính toán của Công ty C6 là 1.818.186.488 đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

Căn cứ mục 7 của đơn quyết thầu, khi công trình được nghiệm thu toàn bộ thì Công ty C6 được thanh toán 95%, 5% còn lại thanh toán sau khi có Bảo lãnh bảo hành. So với quy định này của đơn quyết thầu thì Công ty C3 đã thanh toán vượt quá 95% giá trị thực hiện của đơn quyết thầu. Việc Công ty C6 yêu cầu thanh toán số tiền còn lại là không có cơ sở vì Công ty C6 chưa nộp Bảo lãnh bảo hành.

Về các công việc phát sinh ngoài đơn quyết thầu: Công ty C6 liệt kê các phát sinh từ VO 01 đến VO 42 với tổng giá trị 4.975.437.581 đồng. Công ty C3 không đồng ý với số tiền phát sinh này bởi lẽ: Theo Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020, hai bên đã thỏa thuận về nhận thầu theo hình thức hợp đồng trọn gói. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 140 Luật xây dựng; khoản 3 Điều 15, khoản 2 Điều 36, Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Công ty C3 chỉ công nhận phát sinh (VO) trên nguyên tắc: chỉ tính VO khi có thay đổi so với bản vẽ ban đầu; các bên phải ký kết văn bản (phụ lục) của người có thẩm quyền để thống nhất VO và giá cả trước khi thực hiện. Công ty C6 không chứng minh được cụ thể các vấn đề nêu trên.

Như vậy, những yêu cầu của Công ty C6 trong đơn khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở và không đúng thực tế. Đề nghị, Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty C6.

Ngoài ra, Công ty C3 có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án buộc Công ty C6 phải thanh toán:

- Tiền phạt hợp đồng do chậm tiến độ thực hiện dự án theo đơn quyết thầu: 6.420.000.000 đồng.

- Tiền Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 thực hiện các công việc dang dở mà Công ty C6 không làm như thỏa thuận là 2.784.629.979 đồng (chưa có thuế) và số tiền phát sinh bảo hành là 134.821.818 đồng. Tổng là 3.211.396.977 đồng.

Sau khi đối trừ số tiền còn lại của Công ty C3 chưa thanh toán cho Công ty C6 theo đơn quyết thầu (58.850.000.000 đồng – 54.873.154.973 đồng), buộc Công ty C6 còn phải thanh toán trả cho Công ty C3 số tiền 5.654.551.950 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm:

- Công ty TNHH C4 (sau đây viết tắt là Công ty C4) trình bày: Công ty C4 là chủ đầu tư của công trình xây dựng “Dự án nhà máy O1”. Ngày 15/8/2020, Công ty C4 và Công ty C3 ký hợp đồng nhận thầu số OW-LK/002-2020; nội dung cụ thể Công ty C3 là nhà thầu chính nhận thầu công trình xây dựng “Dự án nhà máy O1” tại khu Công nghiệp Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Do tiến độ gấp nên Công ty C4 đồng ý để Công ty C3 có quyền thuê nhà thầu phụ nhưng phải tự chịu trách nhiệm về vấn đề này. Việc Công ty C3 thuê nhà thầu phụ là Công ty C6 xây dựng công trình, Công ty C4 không có ý kiến gì và không liên quan gì. Tuy nhiên, nhà thầu phụ lại thuê nhà thầu phụ khác thì Công ty C4 không biết, không đồng ý và cũng không có văn bản nào phê duyệt. Việc Công ty C6 thuê tiếp nhà thầu phụ mà chưa được sự đồng ý và chấp thuận của Công ty C4 là trái pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thi công, dự án bị chậm tiến độ, không đảm bảo về thời gian hoàn thành các hạng mục của dự án như cam kết. Thời hạn Công ty C3 cam kết dự kiến đến ngày 20/3/2021 sẽ hoàn công và đệ trình nghiệm thu sơ bộ, ngày 10/4/2021 sẽ nghiệm thu lần 2, ngày 30/4/2021 là tổng nghiệm thu công trình. Khi “Dự án nhà máy O1” được bàn giao chính thức để đưa vào hoạt động; ngày 05/11/2021, trên công trường vẫn còn hàng chục lỗi cần sửa chữa khắc phục như: Bên ngoài nhà xưởng có 35 Panel bị bóp méo, hư hại; tường, sơn có vết nứt, lần lượt ở tường ngoài nhà bảo vệ, phòng máy áp suất và lầu 4 nhà văn phòng; diềm cửa sổ bị rỉ sét. Tuy nhiên, để kịp tiến độ vận hành của nhà máy, giảm thiệt hại cho các bên, Công ty C4 vẫn nghiệm thu các hạng mục chính và yêu cầu nhà thầu chính tiếp tục có trách nhiệm khắc phục các lỗi tồn đọng. Có một số hạng mục khác đến ngày 29/4/2022 mới nghiệm thu, bàn giao. Do Công ty C3 đã phát hành chứng thư bảo hành, đến ngày 31/8/2022 Công ty C4 đã thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho Công ty C3 số tiền 64.253.115.000VNĐ bao gồm tổng giá trị hợp đồng (gồm thuế) 62.723.115.000 VNĐ và giá trị phát sinh tăng (gồm thuế) 1.530.000.000VNĐ. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn nhiều lỗi phát sinh cần phải khắc phục. Do Công ty C3 là nhà thầu chính, thời gian bảo hành toàn bộ công trình là 02 năm (số tiền bảo lãnh là 3.136.155.750 đồng, thời hạn hiệu lực từ ngày 05/11/2021 đến ngày 04/11/2023) nên Công ty C4 yêu cầu Công ty C3 tiến hành sửa chữa, bảo hành theo quy định, Công ty C3 tự mình thực hiện hay yêu cầu nhà thầu phụ sửa chữa, bảo hành là do trách nhiệm của Công ty C3, nếu Công ty C3 không thực hiện thì Công ty C4 khấu trừ tiền bảo lãnh bảo hành của Công ty C3. Công ty C6 khởi kiện Công ty C3 các vấn đề liên quan đến Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020, nội dung yêu cầu phản tố của Công ty C3 cũng phát sinh từ đơn quyết thầu; tuy nhiên, Công ty C4 không tham gia ký kết, thỏa thuận, giao dịch với Công ty C6, không có quyền lợi, nghĩa vụ nào liên quan đến Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020. Công ty C4 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Công ty X trình bày: Sau khi nhận bảng khối lượng dự toán và bản vẽ sơ bộ của dự án (khối lượng và bản vẽ file mềm), ngày 20/8/2020, Công ty C6 và Công ty X có ký đơn quyết thầu với giá trị gói thầu tạm là 500.000.000 đồng (đã bao gồm thuế). Ngày 14/9/2020, để đảm bảo tiến độ thi công và kế hoạch bàn giao nhà máy cho tổng thầu là Công ty C3 và Chủ đầu tư, Công ty C6 và Công ty X có ký đơn quyết thầu với giá trị gói thầu là 40.469.000.000 đồng (đã gồm thuế) để tiến hành

thi công dự án và hứa sẽ bổ sung Hợp đồng thi công xây lắp chính thức theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đầu tháng 9/2020, Công ty X và các nhà thầu phụ khác của Công ty C6 đã triển khai thi công. Công ty X thường xuyên gửi thư, công văn yêu cầu Công ty C6 ký hợp đồng theo quy định nhưng Công ty C6 không soạn thảo và ký kết hợp đồng. Ngày 13/11/2020, Công ty X gửi Công văn số 13/11/2020/CV/VCONS-C2Y cho Công ty C6 nhắc nhở về việc chậm ký kết hợp đồng. Ngày 28/01/2021, Công ty X tiếp tục gửi công văn nhắc nhở Công ty C6 về việc sớm ký hợp đồng và giải trình lý do chậm tiến độ thi công theo kế hoạch ban đầu và thông tin về các chủng loại vật tư sai khác so với báo giá ban đầu, cụ thể: Thay đổi tường tôn thường sang tường P, thay đổi cửa thép kỹ thuật sang cửa chống cháy, thay đổi khối lượng của nhôm kính giữa báo giá và bản vẽ, thay đổi kết cấu hoàn thiện sàn nền nhà xưởng. Ngày 01/7/2021, Công ty X gửi Công văn số 01/07/2021/CV/VCONS-C2Y tới Công ty C6 về việc dự án đã hoàn thành và chủ đầu tư đã lắp đặt thiết bị máy móc nhưng Việt Hưng vẫn chưa nhận được hợp đồng. Ngày 14/9/2021, Công ty X gửi Công văn số 14/09/2021/CV/VCONS-C2Y đề nghị Công ty C6 xác nhận các lỗi mà nhà thầu đã khắc phục và hoàn tất các nội dung về hợp đồng giữa hai bên, phụ lục về công tác phát sinh, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, hoàn công và thanh quyết toán dự án. Nhà máy O1 đã thi công xong từ tháng 4/2021 và Công ty X đã sửa chữa các lỗi nhỏ từ ngày 05/05/2021 đến ngày 14/5/2021, từ ngày 12/6/2021 đến ngày 19/6/2021, từ ngày 26/8/2021 đến ngày 29/09/2021, từ ngày 05/10/2021 đến ngày 11/10/2021 và sửa chữa các lỗi nhỏ lần cuối từ ngày 04/12/2021 đến ngày 15/12/2021. Toàn bộ các công tác thi công phát sinh sai khác so với báo giá ban đầu sau khi nhận được yêu cầu từ công trường, Công ty X đã gửi báo giá tới Công ty C6, được xác nhận đồng ý từ phía Công ty C6 và xác nhận bản vẽ thi công từ phía bộ phận công trường (đại diện của Công ty C6 là ông Trần Văn H1; đại diện của Công ty C3 là ông W, W1 - H (Mr. Ngô) với chức danh phó giám đốc, chịu trách nhiệm giám sát công trình, kiểm tra phê duyệt công tác phát sinh và các ông Trần Hoài N3, Phạm Hồng V1, Võ Thái T2... là tổ giám sát thi công để giám sát và nghiệm thu từng hạng mục công trình) xác nhận. Mặc dù hồ sơ hoàn công của các gói thầu, Công ty X đã kết hợp với Công ty C6 gửi đến Công ty C3 để xác nhận làm thủ tục hoàn công, quyết toán công trình nhưng phía Công ty C3 vẫn không ký xác nhận, không hoàn trả các hồ sơ và các khoản tiền thanh toán theo dự toán ban đầu và phát sinh. Trên thực tế, nhà máy đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 05/11/2021 nhưng Công ty C6 vẫn chưa ký hợp đồng với Công ty X, chưa thanh toán đủ 100% giá trị công việc hoàn thành và công tác phát sinh. Cụ thể: Tổng giá trị đơn quyết thầu là 40.469.000.000 đồng (đã gồm thuế); tổng giá trị đã hoàn thành 41.436.647.070 đồng; tổng giá trị đã thanh toán: 37.631.622.499 đồng; Còn lại phải thanh toán: 3.805.024.571 đồng (chưa bao gồm tính lãi đến thời điểm hiện tại).

- Công ty C5 trình bày: Sau khi nhận bảng khối lượng dự toán và bản vẽ sơ bộ của dự án (khối lượng và bản vẽ file mềm), để đảm bảo tiến độ thi công và kế hoạch bàn giao nhà máy cho tổng thầu là Công ty C3 và chủ đầu tư, ngày 14/9/2020, Công ty C6 có ký đơn quyết thầu với Công ty C5 để thi công một phần Dự án nhà máy O1 và hứa sẽ bổ sung Hợp đồng thi công xây lắp chính thức theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đầu tháng 9/2020, Công ty C5 và các nhà thầu phụ khác của

Công ty C6 đã triển khai thi công. Công ty C5 thường xuyên gửi thư, công văn yêu cầu Công ty C6 ký hợp đồng theo đúng quy định nhưng Công ty C6 cố tình không soạn thảo và ký hợp đồng. Ngày 02/12/2021, Công ty C5 đã gửi Công văn số 02/12/2021/CV/CENTEC-C2Y cho Công ty C6 để nhắc nhở về một số việc của dự án như: Đề nghị sớm ký kết hợp đồng và đưa ra các nguyên nhân có thể làm chậm tiến độ thi công theo như kế hoạch ban đầu, sớm xác nhận các chủng loại vật tư thiết bị và các công việc phát sinh để đảm bảo tiến độ. Toàn bộ các công việc phát sinh sau khi nhận được yêu cầu từ công trường, Công ty C5 đã tiến hành gửi khối lượng và báo giá tới Công ty C2Y qua gmail, sau đó được xác nhận đồng ý qua gmail về khối lượng và đơn giá phát sinh từ phía Công ty C6 và bộ phận công trường. Tất cả các công việc phát sinh đã nghiệm thu khối lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật từng công việc phát sinh trên công trường (đại diện của Công ty C6 là ông Trần Văn H1; đại diện của Công ty C3 là ông W, W1 – H (Mr. Ngô) với chức danh Phó Giám đốc, chịu trách nhiệm giám sát công trình, kiểm tra phê duyệt công tác phát sinh...) nhưng Công ty C6 và Công ty C3 không ký xác nhận biên bản nghiệm thu hoàn thành và biên bản nghiệm thu khối lượng phần phát sinh để thanh toán từng giai đoạn. Trên thực tế, nhà máy đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ ngày 05/11/2021 nhưng Công ty C6 vẫn chưa ký hợp đồng với Công ty C5 và chưa thanh toán đủ 100% giá trị công việc hoàn thành và công tác phát sinh. Cụ thể: Tổng giá trị đơn quyết thầu là 10.868.000.000 đồng (đã gồm thuế); giá trị giảm trừ phần không thi công là 1.196.647.841 đồng (đã gồm thuế); tổng giá trị đã hoàn thành 9.671.352.159 đồng; tổng giá trị đã thanh toán: 8.607.659.717 đồng; Còn lại phải thanh toán: 1.063.692.442 đồng (chưa tính lãi đến thời điểm hiện tại).

- Công ty L3 - Nền móng xây dựng trình bày: Ngày 17/7/2021, Công ty L3 có ký Hợp đồng số OW-LG/016-2021 với Công ty C3; nội dung phạm vi công trình: Công trình bê cấp nước chữa cháy 2 và sửa chữa mặt đường, tổng giá trị công trình: 2.200.000.000 đồng. Đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Công ty D trình bày: Công ty D và Công ty C3 ký một số hợp đồng và phụ lục hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số OW-HH/013-2021 ngày 11/6/2021; nội dung phạm vi công trình: Dịch vụ tổng vệ sinh công nghiệp khu văn phòng và nhà xưởng, tổng giá trị công trình: 88.000.000 đồng (gồm thuế).

+ Hợp đồng số OW-HH/015-2021 ngày 16/7/2021; nội dung phạm vi công trình: Sửa chữa khiếm khuyết công trình; tổng giá trị công trình: 191.999.500 đồng (gồm thuế).

+ Phụ lục hợp đồng số OW-HH/015-2021/PLHĐ-001 ngày 02/10/2021; nội dung giá trị phát sinh tăng 38.500.000 đồng, tổng giá trị hợp đồng: 230.499.500 đồng (191.999.500 đồng + 38.500.000 đồng).

+ Phụ lục hợp đồng số OW-HH/015-2021/PLHĐ-002 ngày 16/11/2021; nội dung giá trị phát sinh tăng 14.300.000 đồng, tổng giá trị hợp đồng: 244.799.500 đồng (230.499.500 đồng + 14.300.000 đồng).

+ Phụ lục hợp đồng số OW-HH/015-2021/PLHĐ-003 ngày 11/7/2022; nội dung giá trị phát sinh tăng 17.280.000 đồng (hạng mục sửa đường ống điều hòa không khí bị rỉ nước), tổng giá trị hợp đồng: 262.079.500 đồng (244.799.500 đồng + 17.280.000 đồng).

+ Phụ lục hợp đồng số OW-HH/015-2021/PLHĐ-004 ngày 12/9/2022; nội dung giá trị phát sinh tăng 91.800.000 đồng (hạng mục sửa chữa các lỗi thiếu sót công trình), tổng giá trị hợp đồng: 353.879.500 đồng (262.079.500 đồng + 91.800.000 đồng).

Đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- *Công ty M1*: Công ty M1 và Công ty C3 có ký 02 hợp đồng:

+ Hợp đồng số OW-DS/014-2021 ngày 25/6/2021; nội dung phạm vi công trình: Đánh bóng sàn bê tông cho phòng tủ điện, kho hóa chất, phòng rác tạm, phòng máy nén khí và phòng PCCC; giá trị công trình: 25.402.300 đồng (gồm thuế).

+ Hợp đồng số OW-DS/017-2021 ngày 12/10/2021; nội dung phạm vi công trình: Vệ sinh và phun hóa chất mặt sàn bê tông; giá trị công trình: 39.952.066 đồng (gồm thuế).

Đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- *Công ty B1 (nay là Công ty T3)*: Công ty có ký Hợp đồng số OW-BE/018-2022 ngày 03/5/2022 với Công ty C3; nội dung phạm vi công trình: Thi công sửa chữa và thay mới panel ngoài nhà xưởng; giá trị công trình: 95.040.000 đồng (gồm thuế). Đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- *Công ty T4 trình bày*: Công ty có ký Hợp đồng số OW-YT/011-2020 ngày 14/11/2020 với Công ty C3; nội dung phạm vi công trình: Cung cấp và lắp đặt 03 bộ T5; giá trị công trình: 1.265.000.000 đồng (gồm thuế). Đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng nên không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Những người làm chứng:

- *Ông Wu Wen H (M. Ngô) trình bày*: Ông là người được Công ty TNHH C3 giao nhiệm vụ giám sát toàn bộ các hoạt động tại công trình nhà máy O1 từ thời điểm khởi công tháng 8/2020 cho đến khi công trình được hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư với chức vụ Phó lý. Theo nội dung công việc được phân công tại gmail ngày 09/11/2020, ông chịu trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các phát sinh về công tác cơ điện và xây dựng tại nhà máy. Ông xác nhận trong quá trình thi công công trình nhà máy O1 có nhiều thay đổi về thiết kế, vật tư sử dụng, tăng giảm số lượng thi công... theo yêu cầu của Công ty C3 và Công ty C4. Do đó, các công tác phát sinh của Công ty C6 đệ trình và đã thực hiện tại công trình nhà máy O1 được ông kiểm tra, xác nhận qua nội dung thư điện tử và những hồ sơ được ông ký xác nhận tại công trình là hoàn toàn chính xác. Những nội dung xác nhận đã được ông kiểm tra và thông qua Công ty C3 trước khi ký và phản hồi cho Công ty C6. Ông cam đoan chữ ký trong các hồ sơ tài liệu của dự án Onway liên quan đến công tác phát sinh

các hạng mục công trình là chữ ký của ông. Do hiện nay ông đang sống tại Đài Loan nên ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và trong các phiên tòa các cấp được mở tại Việt Nam.

- Ông Phạm Hồng V1, Võ Thái P và Trần Hoài N3 đều trình bày: Việc tranh chấp giữa Công ty C6 và Công ty C3 về việc thi công xây dựng Nhà máy O1 hoàn toàn không liên quan đến các ông, các ông chỉ là người lao động làm việc theo sự phân công của Công ty C3. Do đó, ý kiến của Công ty C3 tại Tòa án là ý kiến chính thức thể hiện toàn bộ các vấn đề và các công việc tại công trình. Đề nghị Tòa án làm việc với Công ty C3 về các vấn đề có liên quan.

- Ông Trần Văn H1 trình bày: Tháng 8/2020, ông được Công ty C6 bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc dự án xây dựng nhà máy O1. Ông chịu trách nhiệm thực hiện công việc quản lý công trình, tiến hành giám sát, kiểm tra phần kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn về công trường, xây dựng văn minh..., các cuộc họp trao đổi với khách hàng, đơn vị thầu, đơn vị thi công về việc thực hiện hợp đồng; ký và xác nhận bảng ước tính khối lượng công trình, các vấn đề cụ thể liên quan đến yêu cầu bồi thường kỹ thuật, các biên bản họp, các văn bản liên quan đến việc phối hợp thi công giữa các đơn vị liên quan tại hiện trường và báo cáo trực tiếp với Giám đốc Công ty. Các thành phần cán bộ của Công ty C3 mà ông làm việc trực tiếp tại hiện trường gồm có: Mr Ngô, ông Trần Hoài N3, ông Phạm Hồng V1, ông Võ Thái T2. Quá trình thi công, ông đã tiến hành kiểm tra bản vẽ thi công và hồ sơ báo giá theo “Đơn quyết thầu” giữa Công ty C6 và Công ty C3 có nhiều sai khác như: Khối lượng thay đổi tăng, giảm, vật tư sử dụng thay đổi, bản vẽ có sự thay đổi phát sinh, các công việc không có trong báo giá. Tất cả các phần việc này không có trong báo giá ban đầu của “Đơn quyết thầu” nên gọi là công tác phát sinh. Ông đã báo cáo cho Công ty làm bảng báo giá phát sinh và gửi Công ty C3 và người đại diện của tổng thầu Công ty C3 để xác nhận công tác phát sinh và xác nhận báo giá phát sinh. Sau khi được đại diện Công ty C3 xác nhận yêu cầu triển khai các công việc phát sinh đó thì đã tiến hành thi công công tác phát sinh. Bên cạnh đó còn một số công tác phát sinh chưa thống nhất được giá nhưng bên Công ty L&K yêu cầu triển khai trước để đẩy nhanh tiến độ và sẽ bàn bạc, chốt giá sau, dựa trên tinh thần hợp tác nên Công ty C6 vẫn tiến hành các công việc mà chưa thống nhất được về giá. Trước ngày 15/5/2021, Công ty C6 đã hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc được giao theo đơn quyết thầu và các công tác phát sinh của dự án theo đúng tiến độ. Trong quá trình Công ty C3 nghiệm thu đã phát hiện một số lỗi nhưng Công ty C6 cũng đã sửa chữa và có các hình ảnh, chữ ký xác nhận đầy đủ. Dựa trên cơ sở nghiệm thu thì hợp đồng giữa Công ty C6 và Công ty C3 đã hoàn thành, Công ty C3 cũng đã tiến hành bàn giao công trình đưa vào sử dụng với chủ đầu tư nhà máy O1.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 31/01/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2024/QĐ-SC ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 37, 39, 40, 264, 266, 271, 273, 464, 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 357, 360, 398 Bộ luật dân sự; Điều 124, 138, 139, 146 Luật xây dựng; Điều 50, 306 Luật Thương mại; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P1: Xác định Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 là hợp đồng xây dựng giữa Công ty C3 và Công ty C6; Buộc Công ty TNHH C3 phải thanh toán cho Công ty TNHH P1 số tiền còn lại chưa thanh toán của Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 là 3.976.845.027 đồng, số tiền phát sinh ngoài hợp đồng là 5.153.469.210 đồng, tổng là 9.130.314.147 đồng (đã bao gồm thuế) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 05/11/2021 đến ngày 31/01/2024 số tiền: 1.742.166.383 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C3, buộc Công ty TNHH P1 phải trả số tiền 571.583.865 đồng (bao gồm thuế) Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 thực hiện các công việc dang dở mà Công ty C6 không làm như thỏa thuận.

- Án phí KDTM sơ thẩm:

+ Công ty TNHH P1 phải chịu án phí trên số tiền: 319.512.189 đồng + 571.583.998 đồng = 891.096.187 đồng là 38.732.886 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 59.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0001494 ngày 30/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, trả lại Công ty TNHH P1 số tiền 20.267.114 đồng.

+ Công ty TNHH C3 phải chịu án phí trên số tiền: (5.654.551.950 đồng - 571.583.998 đồng) + (9.130.314.147 đồng + 1.742.166.383 đồng) = 15.955.448.482 đồng là 123.955.448 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí 56.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0001505 ngày 07/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, Công ty TNHH C3 còn phải nộp 67.955.448 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 05/02/2024, Công ty TNHH C3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn là Công ty TNHH P1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn là Công ty TNHH C3 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần X và Công ty cổ phần C5 đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Công ty cổ phần L3, Công ty TNHH D, Công ty TNHH M1, Công ty cổ phần B1, Công ty T4, Công ty TNHH C4 đều vắng mặt và cơ bản giữ nguyên

quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH C3 trong thời gian luật định nên hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, kháng cáo của Công ty TNHH C3 là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C3 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ngày 05/02/2024, Công ty TNHH C3 có đơn kháng cáo Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 31/01/2024 là trong hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Ngày 14/12/2020, Công ty TNHH P1 khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH C3 phải thanh lý hợp đồng thầu khoán, thanh toán giá trị còn lại của đơn quyết thầu và lãi quá hạn, Trên cơ sở Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020, tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam căn cứ Điều 30, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng thầu khoán xây dựng*” và thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần L3, Công ty TNHH D, Công ty TNHH M1, Công ty cổ phần B1, Công ty T4, Công ty TNHH C4 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH C3 thì thấy:

[2.1] Về tư cách tham gia tố tụng của ông Wu Wen H (ông N4). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305747131 cấp lần đầu ngày 29/05/2008 thì có căn cứ xác định Email: lk@lkeng.com.vn là của Công ty C3. Tại nội dung email ngày 09/11/2020, Công ty C3 phản hồi yêu cầu xác nhận các công tác phát sinh theo báo giá chi tiết đính kèm cho công tác xây dựng và công tác cơ điện mà Công ty C6 gửi ngày 09/11/2020 (BL3245), có nội dung: “*Về những thay đổi bổ sung đối với các dự án cơ điện và xây dựng do công ty bạn đề xuất trong trường hợp này Phó tổng giám đốc N4 sẽ chịu trách nhiệm xem xét và trả lời vào cuối tháng này*”. Tại Điều 4.2.1 Hợp đồng xây dựng nhà máy O1 ký giữa Công ty C4 và Công ty C3 ngày 15/8/2020 thì Công ty C3 đồng ý “*Chỉ định ông WU WEN HSIN là người chịu trách nhiệm tại công trường, phụ trách quản lý nhân viên thi công và an toàn thi*

công, quản lý tiến độ và chất lượng thi công". Thực tế, tất cả những công tác phát sinh được ông N4 phê duyệt đều được gửi đến Email chính thức của Công ty C3, các hồ sơ Công ty C6 chuyển cho Công ty C3 thanh toán từng phần công việc đã hoàn thành đều được ông N4 thông qua và được Công ty C3 phê duyệt. Tuy ông N4 không có ở Việt Nam tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án nhưng ông N4 biết rõ về việc xây dựng nhà máy N5; ông L là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Công ty C6) có quyền tự thu thập tài liệu, chứng cứ, cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và Bản trình bày ý kiến của ông N4 ngày 29/9/2023, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông N4 là người làm chứng trong vụ kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 78 BLTTDS năm 2015; và ông N4 là người có chức năng, nhiệm vụ đại diện cho Công ty C3 tại công trường là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn về vấn đề này.

[2.2] Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty C3 và Công ty C6 đều thừa nhận tổng giá trị gói thầu là 58.850.000.000 đồng; Công ty C3 đã thanh toán cho Công ty C6 số tiền 54.873.154.973 đồng. Theo đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung và các lời trình bày của nguyên đơn thì đều thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán giá trị còn lại của đơn quyết thầu là: 58.850.000.000 đồng - 54.873.154.973 đồng = 3.976.845.027 đồng; giá trị phát sinh số tiền: 5.472.981.399 đồng. Căn cứ vào thực tế thi công, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ (hồ sơ quyết toán thi công từng hạng mục, biên bản họp...) và Điều 4.2.3 Hợp đồng xây dựng nhà máy O1 ký giữa Công ty C4 và Công ty C3 ngày 15/8/2020: "*Trong thời gian thi công nếu bên A có yêu cầu tăng hoặc thay đổi thiết kế trong hạng mục, bên B có quyền tiến hành xin chi phí phát sinh, ..*"; điều này chứng tỏ khi ký hợp đồng, Công ty C3 và Công ty C4 đều xác định sẽ có phần phát sinh ngoài hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét và giải quyết là không vượt quá yêu cầu khởi kiện của Công ty C6.

[2.3] Việc bị đơn cho rằng Tòa án không tổ chức lập Hội đồng thẩm định giá, tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là vi phạm tố tụng. Xem xét Hồ sơ quyết toán thể hiện thi công đến đâu thống nhất thiết kế đến đó và thanh toán dựa vào đơn báo giá; các khoản mục phát sinh nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đều có hóa đơn chứng từ thể hiện giá trị thanh toán; và theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án chỉ ra quyết định định giá và định giá tài sản "*a. Theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự*"; nhưng hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện có việc yêu cầu định giá, nên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện là không vi phạm.

[2.4] Tại Bản trình bày ý kiến, quan điểm ngày 01/12/2022, Công ty C4 đã trình bày: "*Đối với việc Công ty C3 thuê Công ty C6 thực hiện dự án, Công ty C4 không có ý kiến gì. Tổng thầu, nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm chính với chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc đã ký, kể cả các việc do nhà thầu phụ thực hiện*" (BL1975). Như vậy. Chủ đầu tư đã chấp thuận cho Công ty C6 làm nhà thầu phụ. Đến thời điểm xảy ra tranh chấp, giữa Công ty C3 và Công ty C6 chưa ký kết với nhau hợp đồng thi công "*Dự án nhà máy O1*", nhưng hai bên đã thỏa thuận, ký kết với nhau bằng Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 thi công nhà máy với giá trị

là 58.850.000.000 đồng (đã bao gồm thuế). Phương thức nhận thầu là "*nhận thầu trọn gói. Nội dung thực tế dựa vào bản vẽ và đơn báo giá làm chính*", nhưng khi ký Hợp đồng nhận thầu với Công ty C4 ngày 15/8/2020 thì hai bên đều thừa nhận "*Do tiến độ dự án gấp, hai bên đồng ý thỏa thuận ký hợp đồng trước và sẽ xác nhận tất cả bản vẽ...*" và thực tế có nhiều hạng mục như bể PCCC, hệ thống PCCC, cọc móng ... Công ty C3 thuê nhà thầu khác thực hiện, chứ không phải thuê Công ty C6 như trong đơn quyết thầu là nhận thầu trọn gói; hồ sơ quyết toán thể hiện thi công đến đâu thống nhất thiết kế đến đó và thanh toán dựa vào đơn báo giá nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn là hợp đồng trọn gói.

[2.5] Công ty C6 đã cùng các nhà thầu phụ là Công ty X và Công ty C5 triển khai thực hiện thi công xây dựng nhà máy theo đúng đơn quyết thầu; ngày 30/4/2021, các bên tiến hành tổng nghiệm thu và xác định có 15 lỗi xây dựng và 35 lỗi Panel cần sửa chữa khắc phục; từ ngày 04 đến ngày 15/12/2021, các nhà thầu phụ đã tiến hành sửa chữa và được các bên ký xác nhận tại Biên bản cuộc họp ngày 15/12/2021 có bản ảnh kèm theo. Ngày 29/4/2022, Công ty C3 đã ký Biên bản nghiệm thu, thiết bị, công trình và bàn giao cho Công ty C4, theo đó hai bên đã đồng ý với kết quả nghiệm thu "*Nghiệm thu đạt yêu cầu và đồng ý đưa vào sử dụng*". Công ty C4 đã thanh toán xong cho Công ty C3. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận Công ty C3 đã thanh toán cho Công ty C6 số tiền 54.873.154.973 đồng. Công ty C6 cho rằng giá trị còn lại chưa thanh toán là 3.976.845.027 đồng. Công ty C3 cho rằng giá trị còn lại của đơn quyết thầu là 3.211.396.977 đồng, trong đó gồm: 2.784.629.979 đồng (chưa có thuế) là tiền tương ứng với 5% giá trị của Hợp đồng sau khi nghiệm thu và tiền bảo hành là 134.821.818 đồng (chưa có thuế) nên chỉ còn phải thanh toán cho Công ty C6 giá trị còn lại số tiền 765.448.050 đồng. Tuy nhiên, theo nội dung ghi tại gmail (bút lục số 2315, 2316) Công ty C3 xác định "*giá trị ghi trên hóa đơn không phải là giá trị nghiệm thu*", nên không có căn cứ chấp nhận số tiền giảm trừ mà Công ty C3 đã đề nghị như trên. Đối với số tiền bảo hành 134.821.818 đồng (chưa có thuế) phía Công ty C3 đề nghị là không có căn cứ bởi các bên chưa thanh lý hợp đồng nên Công ty C6 chưa phát hành chứng thư bảo hành. Như vậy, giá trị còn lại của Hợp đồng theo Công ty C3 là 765.448.050 đồng là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận giá trị quyết thầu còn lại là 3.976.845.027 đồng là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty C3 về vấn đề này.

[2.6] Đối với số tiền phát sinh trong quá trình thi công nhà máy O1 từ VO1 đến VO42 (không có các VO 17, 20, 28, 31, 36, 39, 41) số tiền 5.472.981.339 đồng (đã có thuế), thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đều thừa nhận khi thi công nhà máy O1 không thuê đơn vị giám sát độc lập mà hai bên đều cử cán bộ nhân viên công ty tham gia tổ giám sát để thực hiện giám sát việc thi công tại công trường. Căn cứ vào các bút lục có trong hồ sơ như: Biên bản ghi nhớ, gmail, biên bản nghiệm thu và một số văn bản khác đều thể hiện khi có phát sinh, thay đổi vật liệu thi công, phát sinh hạng mục mới, thay đổi thiết kế... thì các bên đều có sự trao đổi, thống nhất để thi công thực tế tại hiện trường và đến khi nghiệm thu công trình với chủ đầu tư đều thông qua ý kiến của tổ giám sát xác nhận công trình đủ điều kiện nghiệm thu, do đó lãnh đạo của Công ty C3 và Công ty TNHH C4 đã ký biên bản nghiệm thu công trình xác nhận "*Nghiệm thu đạt yêu*

câu và đồng ý đưa vào sử dụng”; đồng thời, Công ty C4 đã thanh toán xong cho Công ty C3. Theo Bản trình bày ý kiến ngày 29/9/2023 (BL2445), ông N4 xác định *“Tôi là người được Công ty C3 giao nhiệm vụ giám sát các hoạt động tại công trình nhà máy O1 từ thời điểm khởi công đến khi công trình được hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư chức vụ phó lý. Theo nội dung công việc được phân công tại gmail ngày 09/11/2020, tôi chịu trách nhiệm kiểm tra và phê duyệt các phát sinh về công tác cơ điện xây dựng tại nhà máy. Tôi xin xác nhận trong quá trình thi công công trình nhà máy O1 có nhiều thay đổi về thiết kế, vật tư sử dụng tăng giảm số lượng thi công theo yêu cầu của Công ty C3 và Công ty C4. Do đó công tác phát sinh của Công ty C6 đệ trình và đã thực hiện tại công trình được tôi kiểm tra xác nhận qua nội dung thư điện và những hồ sơ được tôi ký xác nhận tại công trường là hoàn toàn chính xác”*, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì có cơ sở để Tòa án xem xét từng hạng mục phát sinh cụ thể như sau:

- Đối với công tác tạm VO 01 (BL 83, 89) với tổng số tiền 90.194.500 đồng: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như Giấy biên nhận thu tiền cọc của KCN Đ ngày 26/8/2020, Biên bản xác nhận giá trị đồng hồ nước và đền bù gạch vỉa hè, Biên bản xác nhận giá trị đền bù cây xanh của KCN Đ thì có cơ sở chấp nhận số tiền cọc, điện nước, phí vệ sinh là 50.000.000 đồng; chi phí di dời cây 10.500.000 đồng; đền bù gạch vỉa hè, đồng hồ nước 10.500.000 đồng, tổng số tiền là: 71.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

- Đối với việc thi công cửa chống cháy VO 02 với số tiền 94.023.296 đồng (thay đổi từ cửa thường sang cửa chống cháy BL 90, 94): Căn cứ buổi họp ngày 04/12/2020 (mục 6 BL 918.11) và gmail ngày 03/3/2021 (BL 3293) thể hiện phía bị đơn đồng ý thay đổi từ cửa thường sang cửa chống cháy và thực tế nguyên đơn đã thi công hạng mục này, đến nay đã nghiệm thu, chủ đầu tư không có ý kiến gì. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

- Đối với việc thi công sơn chống cháy tại VO 03 với số tiền 585.530.338 đồng: Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 04/12/2020 (BL 95, 95a, 95b) thể hiện việc các bên đã nhất trí chuyển từ sơn chống cháy 45 phút lên 120 phút. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

- Đối với việc thay đổi điều hòa không khí khu văn phòng, thêm hệ thống điều hòa khu nhà xưởng tại VO 04 với số tiền 211.194.117 đồng (BL 3260): Tại gmail ngày 02/3/2021, ông Wu Wen H (M) đã gửi quan điểm thể hiện việc nhất trí thay đổi điều hòa không khí khu văn phòng, thêm hệ thống điều hòa khu nhà xưởng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

- Đối với việc xử lý nước thải sinh hoạt tại VO 05 với số tiền 260.843.000 đồng (BL 102, 119): Tại buổi làm việc ngày 08/3/2021, ông Wu Wen H (M) thể hiện đồng ý xử lý nước thải sinh hoạt và tại gmail ngày 08/3/2021 (BL3278) thể hiện phía Công ty C3 cũng đồng ý đối với việc thực hiện VO 05 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

- Đối với việc phát sinh thiết bị trạm cân tại VO 06 với số tiền 328.077.750 đồng (BL 124): Tại cuộc họp ngày 02/3/2021 và gmail ngày 02/3/2021(BL3290),

ông N4 chấp nhận cho phương án 80 tấn thiết bị trạm cân. Do vậy, có căn cứ chấp nhận việc phát sinh thiết bị trạm cân tại VO 06.

- Đối với việc phát sinh hệ thống điện nhẹ tại VO 07 số tiền 382.980.008 đồng: phía bị đơn đã gửi gmail ngày 02/3/2021 (BL3273) thể hiện đồng ý phát sinh VO 07 (BL134), nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phát sinh hệ thống điện nhẹ là có cơ sở.

- Đối với việc phát sinh thiết bị điện nhà xưởng, văn phòng, thiết bị nước khu vực nhà xưởng VO 08 tổng số tiền 171.060.498 đồng (BL133, 134): Căn cứ vào gmail ngày 02/3/2021 (BL3273), ông N4 đã thể hiện sự đồng ý việc phát sinh thiết bị điện nhà xưởng, văn phòng, thiết bị nước khu vực nhà xưởng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với VO 08 là có cơ sở.

- Đối với việc phát sinh thay đổi nhà cung cấp máy nén khí theo yêu cầu dẫn đến thay đổi vật tư phụ máy nén khí VO 09 số tiền 226.057.559 đồng: Tại gmail ngày 08/3/2021 (BL 3295), ông N4 đã đồng ý với việc phát sinh VO 09 nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

- Đối với việc thay đổi diện tích vách nhôm kính văn phòng VO 10 số tiền 274.261.488 đồng: Ngày 02/02/2021, phía Công ty C3 đã xác nhận nhất trí phát sinh thay đổi diện tích vách nhôm kính văn phòng (BL 155, 156) Tại gmail ngày 02/2/2021 (BL3294), ông N4 đã “đồng ý thực hiện tăng thêm”, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với VO 10 là có cơ sở.

- Đối với việc thay đổi công suất máy phát điện theo yêu cầu của Công ty C3 tại VO 11 số tiền 60.590.750 đồng: Theo hồ sơ thiết kế ban đầu hai bên thỏa thuận máy phát điện có công suất 275 KVA. Trong quá trình thi công, lắp đặt, phía bị đơn yêu cầu máy phát điện công suất 300 KVA. Tuy nhiên, qua khảo sát thị trường không có loại máy phát điện có công suất 300 KVA nên Công ty C6 đã mua và lắp đặt máy phát điện công suất 330 KVA nhưng vẫn tính số tiền của máy phát điện 300 KVA như đã báo giá 60.590.750 đồng và đến nay Công ty C3 chưa thanh toán cho Công ty C6 số tiền trên (bút lục 156, 158) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

- Đối với việc phát sinh phòng cắt và xây thêm bể tự hoại VO 12 số tiền 257.228.043 đồng: Ngày 02/3/2021, ông N4 gửi gmail đồng ý việc phát sinh hạng mục này (BL3300) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

- Đối với yêu cầu thay đổi sàn bê tông nhà xưởng, thay đổi mác bê tông từ M 250 lên M 300 tại VO 13 số tiền 112.865.865 đồng: Theo nguyên đơn trình bày, tại cuộc họp ngày 22/01/2021 (BL 167), các bên thỏa thuận nhất trí thay đổi mác bê tông từ M 250 lên M 300 và thực tế Công ty C6 đã thi công nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

- Đối với phát sinh hạng mục đá Granite nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà xưởng tại VO 14 số tiền 141.013.649 đồng (BL 171): Tại gmail ngày 12/3/2021, ông Ngô đồng Ý hạng mục phát sinh của VO 14 (BL3303), nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

- Đối với VO15 việc thay đổi cáp mạng từ CAT5E thành CAT6 số tiền 9.389.300 đồng (BL 175, 177): Tại cuộc họp ngày 01/12/2021, hai bên đã thống nhất đổi cáp mạng từ CAT5E thành CAT6 được tính phát sinh cho nhà thầu và tại gmail ngày 09/12/2020, Công ty C3 đã nhất trí thay đổi cáp mạng theo hạng mục trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

- Đối với việc phát sinh cửa sổ, cửa đi nhôm kính VO 16 số tiền 445.366.859 đồng: Ban đầu hai bên thống nhất làm cửa kính cường lực, sau đó tại hiện trường yêu cầu đổi sang cửa nhôm. Ông N4 đã ký xác nhận phát sinh (BL200), Công ty C3 có quan điểm "*cửa sổ kính đơri sau này quyết toán công trình làm rõ phát sinh tăng giảm*" (BL197). Thực tế, cửa sổ, cửa đi nhôm kính đã được Công ty C6 lắp đặt và Công ty C3 bàn giao đưa vào sử dụng, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu thanh toán của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với việc thay đổi tấm Panel nhà xưởng số tiền 628.055.082 đồng tại VO19: Theo thỏa thuận ban đầu sử dụng tôn Đông Á màu A250 đến ngày 15/10/2020, Công ty C3 xác nhận đề nghị tôn EPS để thi công và thực tế phía nguyên đơn đã thi công tôn EPS theo yêu cầu của bị đơn (BL 184) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với việc phát sinh ram dốc cửa công VO 21 số tiền 201.543.617 đồng (BL 186, 199): Đây là danh mục phát sinh, làm diện tích ram dốc cửa công lớn hơn lúc đầu theo bản vẽ, cụ thể: Cổng số 1 từ 95,7m² lên 177,9m²; cổng số 2 từ 13,9m² lên 20m²; cổng số 3 từ 70,8m² lên 204,3m². Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn có thông báo về việc thay đổi nhưng phía bị đơn không nhất trí vì đã kiểm tra thiết kế ban đầu với bản vẽ mới là không có chênh lệch và không có thay đổi (BL3307) nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với công tác tạm 2 di dời cột đèn, biển báo giao thông, trạm cứu hỏa VO 22 số tiền 35.750.000đ: Tại gmail ngày 19/3/2021 (BL3307), Công ty C3 đồng ý phát sinh nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với việc ốp đá Granite cửa thang máy VO 23 số tiền 7.018.275 đồng. Tại gmail ngày 24/3/2021 (BL199, 201, 204), Công ty C3 đã đồng ý hạng mục này, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với việc phát sinh trần thạch cao, thang bộ nhà xưởng VO 24 số tiền 2.540.154 đồng: tại gmail ngày 23/3/2021 (BL204), Công ty C6 đã đưa ra 02 lựa chọn và gửi báo giá phát sinh, đại diện Công ty C3 đã ký và xác nhận vào bản vẽ (BL204a), xác định "*Trần thả khung xương nổi (tấm thường), cửa chống cháy D8 lắp đặt theo kích thước bản vẽ ban đầu*" nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về phát sinh logo, bảng hiệu công, nhà văn phòng VO 25 số tiền 30.030.000 đồng: Tại gmail ngày 09/4/2021 (BL 3316), phía bị đơn thể hiện quan điểm đồng ý phát sinh VO 25 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về yêu cầu phát sinh gạch chống nóng mái nhà văn phòng VO 26 số tiền 85.323.339 đồng và vách kính ngăn phòng tắm VO 27 số tiền 49.690.781 đồng: Tại gmail ngày 31/3/2021 (BL 3321), phía bị đơn đã đồng ý nội dung phát sinh ở cả hai hạng mục này nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về yêu cầu thay đổi cáp điện từ nhôm sang đồng thêm camera VO 29 số tiền 449.484.985 đồng. Tại gmail ngày 19/4/2021 (BL 222, 224, 3328), thể hiện Công ty C3 đồng ý phát sinh tại VO29, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về yêu cầu làm thêm công phụ VO 30 số tiền 13.383.700 đồng: Căn cứ bút lục 229 ngày 28/4/2021, phía Công ty C3 đã ký xác nhận công tác phát sinh công phụ, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về việc phát sinh bó via nhà xe 4 bánh VO 32 số tiền 6.798.330 đồng: Tại gmail ngày 16/4/2021 (BL 232, 3330), phía Công ty C3 đã đồng ý xử lý báo giá phát sinh, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về phát sinh gia cố nền đường nội bộ VO 33 số tiền 29.585.685 đồng: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, phía nguyên đơn có ý kiến gia cố nền đường nội bộ nhưng phía bị đơn không phản hồi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

- Về việc cung cấp vận chuyển lắp đặt nắp gang hố ga VO 34 số tiền 12.672.000 đồng: Tại gmail ngày 16/4/2021 (BL 244, 3335), phía Công ty C3 đã đồng ý phát sinh, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về phát sinh đá Granite chân cửa nhà vệ sinh VO 35 số tiền 8.518.125 đồng: Tại gmail ngày 14/4/2021 (BL 247, 3339), phía bị đơn đồng ý phát sinh hạng mục này, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về phát sinh ốp Alu hộp kỹ thuật cửa cuốn VO 37 số tiền 49.194.365 đồng: Tại bút lục số 249 thể hiện số tiền 38.939.472 đồng. Có sự chênh lệch về số liệu là do Công ty C6 đưa ra hai phương án với các số tiền nêu trên nhưng thực tế đã thi công hết tổng số tiền 44.722.150 đồng (chưa tính thuế). Theo bản vẽ công trình có thiết kế cửa cuốn nhưng không có hộp bao che (BL 250) nhưng khi thi công tại hiện trường phía Công ty C3 yêu cầu làm thêm hộp để bao che cửa cuốn và Công ty C6 đã gửi gmail báo giá ngày 26/5/2021 nhưng phía Công ty C3 không phản hồi và Công ty C6 vẫn tiến hành làm hộp bao che (theo gmail tại BL 255). Ngoài ra, tại bút lục 248, phía Công ty C6 thể hiện việc chấp nhận chia đôi nếu Công ty L&K trả tiền nhưng nay chưa trả nên yêu cầu tính theo giá trị thực tế tổng số tiền 49.194.365 đồng. Tại cấp sơ thẩm, Công ty C3 cho rằng không yêu cầu và không đồng ý để Công ty C6 làm thêm hộp bao che cửa cuốn và khi Công ty C6 gửi báo giá Công ty C3 không có phản hồi; nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, khi được hỏi về vấn đề này thì đại diện cho bị đơn lại cho rằng trong bản vẽ có hộp kỹ thuật và nghĩa vụ Công ty C6 phải làm nên không đồng ý thanh toán. Xét thấy, lời khai của phía bị đơn có mâu thuẫn, nhưng phía Công ty C6 không kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đại

điện Công ty C6 đề nghị giữ nguyên như án sơ thẩm không yêu cầu xem xét, nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm về phần này.

- Về công tác tạm VO 38 số tiền 77.713.019 đồng: Công ty C6 cho rằng điện trên công trường chưa đủ công suất để phục vụ thi công, nên công ty phải thuê thêm máy phát điện số tiền 38.984.000 đồng, thuê điện khu công nghiệp để thấp sáng văn phòng 18.735.162 đồng, tổng là 57.719.162 đồng; nhưng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh đã chi hết 77.713.019 đồng; thực tế có việc thuê máy phát điện khi thi công nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C3 phải thanh toán cho Công ty C6 số tiền 57.719.162 đồng là có căn cứ. Đối với tiền nước, phí vệ sinh khu công nghiệp, Công ty C6 không làm nên không yêu cầu. Do vậy không đặt ra xem xét.

- Về phát sinh Canopy cầu nổi VO 40 số tiền 45.548.247 đồng: Theo bản vẽ ban đầu tại bút lục 256a, b thể hiện có 5 Canopy và báo giá 5 Canopy nhưng yêu cầu thực tế thi công phát sinh thêm 01 Canopy và tại bút lục 256a, ông N4, ông T2 đã vẽ thêm 01 Canopy và ký xác nhận tại bản vẽ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Về phát sinh quạt mái nhà xưởng, quạt hút nhà vệ sinh, nhà văn phòng VO 42 số tiền 89.454.512 đồng: Tại gmail ngày 01/6/2021 (BL 258-98), phía Công ty C3 đã đồng ý phát sinh đối với hạng mục này nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, số tiền phát sinh theo yêu cầu khởi kiện được chấp nhận là 5.153.469.210 đồng (đã bao gồm thuế); số tiền không được chấp nhận là 5.472.981.399 đồng - 5.153.469.210 đồng = 319.512.189 đồng (đã bao gồm thuế). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C6 buộc Công ty C3 phải thanh toán tổng số tiền là: 5.153.469.210 đồng + 3.976.845.027 đồng = 9.130.314.147 đồng (đã bao gồm thuế) là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi cho khoản chậm thanh toán tính từ ngày công trình được bàn giao là ngày 05/11/2021 đến ngày 31/01/2024 với mức lãi suất 12,75%, thấy: Căn cứ Điều 146 Luật xây dựng và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải thanh toán cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Nên Công ty C2Y yêu cầu thanh toán lãi do chậm thanh toán là có căn cứ. Tuy nhiên, thực tế Công ty C3 đã phát chứng thư bảo hành số tiền 3.136.155.750 đồng đối với Công ty C4 (thời hạn hiệu lực từ ngày 05/11/2021 đến ngày 04/11/2023); như vậy, nếu Công ty C6 phải phát chứng thư bảo hành theo đơn quyết thầu đã ký với Công ty C3 thì số tiền bảo hành 5% giá trị của hợp đồng (2.942.500.000 đồng) là không được chấp nhận tính lãi. Do đó, chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C6 tính lãi trên số tiền chậm thanh toán: 9.130.314.147 đồng - 2.942.500.000 đồng = 6.187.814.237 đồng là 1.742.166.383 đồng.

Tổng cộng, Công ty TNHH C3 phải thanh toán cho Công ty P1 số tiền: 9.130.314.147 đồng + 1.742.166.383 đồng = 10.872.480.530 đồng

[3]. Về yêu cầu phản tố:

[3.1]. Đối với phát sinh giảm khối lượng quyết toán với Công ty C6 (so với Bảng ước tính nghiệm thu công trình) số tiền 988.637.252 đồng: Bị đơn không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh về hạng mục phát sinh giảm, số lượng, đơn giá và căn cứ phát sinh giảm cho các hạng mục nên không có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu phạt nguyên đơn số tiền 6.420.000.000 đồng do vi phạm hợp đồng: Theo bị đơn, căn cứ Mục 9 của đơn quyết thầu quy định “*Nếu nhà thầu không giao hàng hoặc không hoàn thành theo thời gian đã định trong hợp đồng thì sẽ phạt 0,03% giá trị hợp đồng, khoản này không vượt quá 12% giá trị hợp đồng*”, xét thấy: Tại đơn quyết thầu có quy định nội dung trích dẫn nêu trên. Tuy nhiên trong đơn quyết thầu lại không có quy định thời gian hoàn thành và bàn giao công trình; ngoài đơn quyết thầu các bên cũng không có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận nào khác về thời gian hoàn thành và bàn giao công trình; Công ty C3 và Công ty TNHH C4 đã ký biên bản nghiệm thu công trình xác nhận “*Nghiệm thu đạt yêu cầu và đồng ý đưa vào sử dụng*”. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của bị đơn.

[3.3]. Về yêu cầu thanh toán các khoản tiền Công ty C3 phải thuê bên thứ ba thực hiện, cụ thể.

- Đối với việc sửa chữa đường bê tông nhựa số tiền 370.945.121 đồng (có thuê là 408.039.633 đồng): Theo bị đơn xác định, đường nhựa của công trình O bị đọng nước nhiều, chất lượng mặt đường kém, phía Công ty C3 đã yêu cầu Công ty C6 sửa chữa tại Bản ghi nhớ ngày 29/6/2021, nhưng Công ty C6 không làm nên Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 là Công ty L3 sửa chữa. Công ty L3 đã xác nhận việc sửa chữa như bị đơn trình bày là đúng. Phía nguyên đơn cho rằng tại Biên bản hợp ngày 28/9/2020 hai bên thống nhất phương án thi công chuyển từ đường bê tông sang đường nhựa Asphaltt nên việc hỏng đường nhựa bị đơn phải chịu trách nhiệm. Xét thấy, việc thay đổi phương án thi công không đồng nghĩa với việc nguyên đơn không có trách nhiệm khi công trình do nguyên đơn vừa thi công, chưa hết thời hạn bảo hành công trình đã xuống cấp, chứng tỏ chất lượng công trình không đảm bảo nên Công ty C6 cần phải sửa chữa theo yêu cầu của Công ty C3, nhưng Công ty C6 không thực hiện việc sửa chữa, buộc Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 sửa chữa, thi công để công trình đi vào hoạt động nên Công ty L&K yêu cầu Công ty C6 thanh toán chi phí sửa chữa là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là đúng.

- Đối với việc sửa nền bê tông nổi hạt số tiền 77.276.696 đồng: Theo bị đơn xác định, nền phòng điện, kho hóa chất, khu rác tạm, phòng máy nén khí có độ kết dính xi măng kém, bề mặt bị bong chóc, chảy cát..., phía Công ty C3 đã nhiều lần yêu cầu Công ty C6 sửa chữa tại các Bản ghi nhớ ngày 29/6/2021, ngày 05/7/2021 nhưng Công ty C6 không làm nên Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 là Công ty D, Công ty M1 sửa chữa. Công ty D và Công ty M1 đều xác nhận việc sửa chữa như bị đơn trình bày là đúng. Phía nguyên đơn cho rằng quá trình thi công bị đơn không

lựa chọn công tác xoa bóng hay tăng cứng nền và nền bê tông đã được nghiệm thu, nên không chấp nhận việc bị đơn thuê bên thứ 3 sửa chữa. Xét thấy, về nguyên tắc thi công phải đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo kỹ thuật, mặt bằng bê tông phẳng, chắc, không bong chóc. Việc để xảy ra tình trạng như nêu ở trên của bị đơn là do thi công không đảm bảo chất lượng; Công ty C6 là bên chịu trách nhiệm thi công nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty C3 buộc Công ty C6 chịu trách nhiệm là có căn cứ. Tuy nhiên, trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện việc bị đơn ký hợp đồng sửa chữa hạng mục trạm xăng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng của Công ty C3. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc Công ty C6 chịu trách nhiệm số tiền 77.276.696 đồng - 15.000.000 đồng = 62.276.696 đồng (có thuế là 68.504.365 đồng).

- Đối với nội dung yêu cầu sửa Panel 86.400.000 đồng (có thuế là 95.040.000 đồng), xét thấy: Tại biên bản họp ngày 05/11/2021, các bên đã xác định có tổng 35 lỗi Panel nên việc sửa chữa thuộc Công ty C6. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là có căn cứ.

- Về nội dung thay bơm chìm khu trạm cân số tiền 6.090.000 đồng: Phía bị đơn cho rằng đây là hợp đồng trọn gói nên việc cung cấp, lắp đặt hệ thống trạm bơm, trạm cân thuộc trách nhiệm của nguyên đơn. Phía nguyên đơn xác định chỉ thi công phần xây dựng còn về thiết bị trong đó có bơm chìm là do bị đơn thi công lắp đặt nên bị đơn phải chịu trách nhiệm đối với nội dung này. Xét thấy, theo đơn quyết thầu và các thỏa thuận của các bên trước khi thi công các hạng mục phải có báo giá vật tư, thiết bị; tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ không thể hiện nội dung này. Mặt khác, đơn quyết thầu là hợp đồng liên quan đến xây dựng, đây là phần cung cấp thiết bị, không thể hiện trong hợp đồng. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu thay bơm chìm khu trạm cân của bị đơn.

- Về nội cột camera ống D60 từ 3m lên 4.5m và sơn lại toàn bộ 3.250.000 đồng: Theo bị đơn xác định 5 trụ camera ngoài trời Chủ đầu tư và Công ty C3 yêu cầu chiều dài dây dẫn chờ là 5m nhưng Công ty C6 chỉ để 3,5m dẫn đến không thể đấu nối hoàn trả hệ thống camera. Phía nguyên đơn xác định đây là hạng mục phát sinh đã được bị đơn xác nhận tại VO 07. Xét thấy: Căn cứ bút lục 130 có trong hồ sơ về phát sinh hệ thống điện nhẹ theo yêu cầu ngày 25/01/2021 tại mục 4 (cột sắt nhúng nóng Ø 60 ngoài trời cao 3m lắp camera), nội dung này đã được phía bị đơn nhất trí tại bút lục 134 với công tác phát sinh nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với yêu cầu phí vệ sinh công nghiệp số tiền 80.000.000 đồng, mua thảm chống bụi 2.030.000 đồng: Bị đơn cho rằng theo thông lệ chung việc vệ sinh công nghiệp thuộc trách nhiệm của nhà thầu thi công. Tuy nhiên, Công ty C6 không thực hiện nên bị đơn đã phải thuê bên thứ 3 thực hiện. Phía nguyên đơn xác định, Công ty C3 là tổng thầu nên phải có trách nhiệm tiến hành vệ sinh công nghiệp, việc này không thuộc trách nhiệm của nguyên đơn. Xét thấy, tại đơn quyết thầu và trong báo giá không có hạng mục này không thể hiện nội dung này và việc ký Hợp đồng với Công ty M1 làm vệ sinh công nghiệp trước ngày 05/11/2021 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

- Đối với yêu cầu thi công hạng mục phòng cắt, lát gạch phòng bơm PCCC, hệ thống cấp nước phòng trà văn phòng 20.000.000 đồng: Đây là công trình thi công trọn gói nên bị đơn cho rằng nguyên đơn phải thực hiện hạng mục. Phía nguyên đơn không nhất trí vì cho rằng không nằm trong phạm vi công việc ban đầu. Xét thấy, trong quá trình thi công hai bên đều xác nhận trước khi thi công bất kỳ hạng mục nào thì các bên sẽ có bản vẽ thiết kế, dự toán khối lượng vật liệu thi công, báo giá; tuy nhiên, trong hồ sơ không thể hiện nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này.

- Đối với nội dung phát sinh lắp đặt thang máy 1.150.000 đồng: Phía bị đơn xác định đã giao thầu cho Công ty C6 toàn bộ công trình trừ công tác ép cọc và thiết bị phòng cháy chữa cháy, thang máy nằm trong các hạng mục lớn là nhà xưởng và nhà văn phòng thuộc trách nhiệm của Công ty C6. Nguyên đơn không nhất trí với nội dung này vì không nằm trong phạm vi công việc ban đầu. Xét thấy, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ phía nguyên đơn có cung cấp báo giá về hạng mục này nhưng không được phía bị đơn nhất trí nên nguyên đơn không thi công. Do vậy, việc bị đơn cho rằng việc lắp đặt thang máy thuộc trách nhiệm của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4.3]. Đối với những khoản đối trừ thanh toán phát sinh giảm liên quan đến việc bảo hành công trình 134.821.818 đồng (chưa bao gồm thuế) bao gồm các hạng mục sửa chữa trạm cân; phát thầu thi công hạng mục lắp đặt thêm ổ điện phòng điện, lắp đặt đường ống thoát nước phòng nén khí, lắp đặt ổ điện phòng ngũ kim; sửa đường ống điều hòa không khí bị chảy; thi công sửa chữa lỗi defect công trình. Như đã phân tích ở trên, các đương sự đều thống nhất xác định do các bên chưa thực hiện việc thanh lý hợp đồng nên Công ty C6 chưa phát chứng thư bảo hành, do đó không có căn cứ chấp nhận số tiền bảo hành này của bị đơn.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty C3 buộc Công ty C6 thanh toán số tiền 519.621.817 đồng (chưa có thuế), 571.583.998 đồng (bao gồm thuế) là có căn cứ.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C6: Xác định Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 là hợp đồng xây dựng giữa Công ty C3 và Công ty C6; Buộc Công ty TNHH C3 phải thanh toán cho Công ty TNHH P1 số tiền còn lại chưa thanh toán của Đơn quyết thầu ngày 17/8/2020 là 3.976.845.027 đồng, số tiền phát sinh ngoài hợp đồng là 5.153.469.210 đồng, tổng là 9.130.314.147 đồng (đã bao gồm thuế) và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 05/11/2021 đến ngày 31/01/2024 số tiền: 1.742.166.383 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C3, buộc Công ty TNHH P1 phải trả số tiền 571.583.865 đồng (bao gồm thuế) Công ty C3 phải thuê bên thứ 3 thực hiện các công việc dang dở mà Công ty C6 không làm như thỏa thuận là đúng pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH C3 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH C3; Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 31/01/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2024/QĐ-SC ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí: Công ty TNHH C3 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000024 ngày 19/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, nên còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKS ND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ)
- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phan Nam